

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 07-02-2023

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân
2. Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Xuân Đ, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn A, sinh năm: 1973;

Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Đ, bà H có mặt còn ông A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Dương Xuân Đ trình bày: Do quen biết nên ngày 29/9/2019 Ông Đ có

cho vợ chồng ông Bùi Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh H vay số tiền 450.000.000đồng, ông A, bà H nhận tiền 02 lần nên viết thành 02 giấy nhận nợ, trong 02 giấy nhận nợ đều có chữ ký ghi họ tên của ông A, bà H, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là đến 09/10/2019 sẽ thanh toán số nợ trên cho Ông Đ. Về lãi suất thì trong giấy nhận nợ không ghi nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ ông A, bà H không trả cho Ông Đ như đã hẹn, sau đó ông đã nhiều lần đến nhà ông A, bà H để yêu cầu trả tiền nhưng ông A, bà H tìm mọi lý do khất nợ hết lần này đến lần khác nhưng không trả tiền cho ông. Đến nay quá hạn trả nợ đã lâu nhưng ông A, bà H vẫn không trả tiền cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A, bà H phải trả cho ông số tiền gốc là 450.000.000đồng. Ngoài ra, ông yêu cầu ông A, bà H phải trả cho ông tiền lãi theo mức 1,66%/ 1 tháng kể từ ngày vay 29/9/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, Ông Đ không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà có ý kiến như sau ngày 29/9/2019 khi đó bà và ông A còn là vợ chồng, ông bà có vay của ông Dương Xuân Đ số tiền 300.000.000đồng, sau khoảng 10 ngày thì ông bà vay thêm số tiền 150.000.000đồng nhưng khi nhận số tiền 150.000.000đồng thì bà không ký vào giấy vay, tuy nhiên bà thừa nhận ông bà có vay số tiền này, tổng số tiền ông bà vay của Ông Đ là 450.000.000đồng là đúng nên bà đồng ý trả cho Ông Đ số tiền gốc là 450.000.000đồng. Đối với lãi suất Ông Đ yêu cầu là 1,66%/ 1 tháng thì bà không đồng ý, trong giấy nhận nợ không thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất nên bà chỉ đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đồng thời, hiện nay bà và ông A đã ly hôn, bà và ông A đã thỏa thuận bà sẽ có trách nhiệm trả cho Ông Đ số nợ trên nên bà không yêu cầu ông A phải có trách nhiệm cùng trả. Tuy nhiên, hiện nay bà làm ăn gặp khó khăn nên chưa thể trả ngay cho Ông Đ mà bà sẽ trả từ từ cho Ông Đ. Trong 02 giấy nhận nợ do Ông Đ xuất trình thì đều có thể hiện chữ ký, chữ viết tên của ông Bùi Văn A thì bà xác định đây đúng là chữ ký, chữ viết tên của ông Bùi Văn A.

Bị đơn ông Bùi Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông A không có văn bản trình bày ý kiến cụ thể và cũng không có mặt khi Tòa án triệu tập.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho ông A và triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông A, bà H phải trả cho ông số tiền gốc là 450.000.000đồng, tiền lãi quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét

xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ông Đ, do ông A, bà H đã ly hôn nên buộc ông A phải có trách nhiệm trả cho Ông Đ số tiền gốc 225.000.000đồng, buộc bà H phải trả cho Ông Đ số tiền gốc 225.000.000đồng, lãi suất buộc ông A, bà H phải trả cho Ông Đ theo mức 10%/năm kể từ ngày vi phạm cho đến nay.

Về án phí: Ông A, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông A, bà H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ông Đ cho rằng ông cho ông A, bà H vay số tiền 450.000.000đồng nhưng đến hạn trả nợ ông A, bà H không trả nợ nên Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông A, bà H phải trả cho ông số nợ trên và lãi suất theo mức 1,66%/ tháng. Bà H thừa nhận có vay của Ông Đ số tiền trên và đồng ý trả số tiền gốc 450.000.000đồng còn tiền lãi bà H chỉ đồng ý trả theo quy định của pháp luật, ông A không có lời khai nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, theo chứng cứ Ông Đ xuất trình là 02 bản chính giấy nhận nợ vào ngày 29/9/2019 (bút lục số 02-03) thể hiện ông A, bà H có vay tiền của Ông Đ 02 lần với số tiền 450.000.000đồng, có chữ ký và chữ viết họ tên của bên vay tiền là ông A, bà H, thời hạn trả nợ là ngày 09/10/2019, không thỏa thuận lãi suất. Trong 02 giấy nhận nợ tại phần thời gian vay có sự sửa ngày tháng vay và sửa tháng trả nợ nhưng bà H thừa nhận việc vay tiền của Ông Đ, đồng ý trả cho Ông Đ số tiền gốc là 450.000.000đồng, đồng thời bà H xác định bà và ông A đã ly hôn, khi ly hôn thì bà và ông A tự thỏa thuận bà sẽ có trách nhiệm trả cho Ông Đ số nợ trên nên bà H xác định không yêu cầu ông A phải có trách nhiệm cùng trả.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông A nhưng ông A không đến Tòa án làm việc, không có lời khai và không đối chất làm rõ được việc bà H, ông A thỏa thuận việc trả nợ như thế nào. Xét thấy, tại thời điểm bà H, ông A, vay tiền của Ông Đ là ngày 29/9/2019 thì bà H, ông A vẫn còn là vợ chồng, đến ngày 22/7/2020 thì ông A, bà H mới ly hôn theo Quyết định số 123/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án huyện Lâm Hà. Vì vậy, xác định đây là khoản nợ chung của ông A, bà H trong thời kỳ hôn nhân là phù hợp. Đến nay ông A, bà H đã ly hôn mặc dù bà H nhận sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho Ông Đ nhưng Ông Đ không đồng ý để một mình bà H trả nợ mà Ông Đ, yêu cầu cả ông A, bà H phải cùng có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ông Đ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đ, buộc ông A, bà H mỗi người có trách nhiệm trả cho Ông Đ số tiền 225.000.000đồng.

[3.1] Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu ông A, bà H phải trả số tiền gốc thì Ông Đ còn yêu cầu ông A, bà H phải trả cho bà tiền lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong 02 giấy nhận nợ ngày 29/9/2019 giữa hai bên không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất với nhau nên cần xác định đây là hai hợp đồng vay không lãi khi đến hạn bên vay không trả nợ cho bên cho vay nên tiền lãi được tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy, tiền lãi được tính cụ thể như sau: $450.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 39\text{ tháng } 28\text{ ngày}$ (từ ngày 10/10/2019 đến ngày 07/02/2023) = 149.750.000đồng.

[3.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông A, bà H phải có trách nhiệm trả cho Ông Đ 450.000.000đồng tiền gốc, 149.750.000đồng tiền lãi. Do ông A, bà H đã ly hôn nên mỗi người sẽ có trách nhiệm trả cho Ông Đ 225.000.000đồng tiền gốc và 74.875.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 299.875.000đồng.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn ông A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền ông A phải trả cho nguyên đơn là: $299.875.000\text{đồng} \times 5\% = 14.994.000\text{đồng}$ (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bà H phải trả cho nguyên đơn là: $299.875.000\text{đồng} \times 5\% = 14.994.000\text{đồng}$ (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Bùi Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh H.

Buộc ông Bùi Văn A phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Xuân Đ số tiền gốc là 225.000.000đồng, lãi là 74.875.000đồng, tổng cộng là 299.875.000đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Xuân Đ số tiền gốc là 225.000.000đồng, lãi là 74.875.000đồng, tổng cộng là 299.875.000đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc ông Bùi Văn A phải chịu 14.994.000đồng (mười bốn triệu chín trăm chín mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 14.994.000đồng (mười bốn triệu chín trăm chín mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Dương Xuân Đ số tiền tạm ứng án phí 16.319.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm mười chín nghìn đồng) Ông Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010712 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Dương Xuân Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/02/2023), riêng ông Bùi Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh